

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 64/2022/HNGS-ST

Ngày 08-9-2022

V/v: "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Bà Dương Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Luyện- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/6/2022, biên bản lấy lời khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:**

Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn ngày 20/10/2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh. Ban đầu vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Kết hôn được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng tH xuyên cãi vã nhau, anh H có đánh chị. Hiện tại hai vợ chồng không còn ở chung với nhau, chị cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống

từ tháng 4/2021 cho đến nay, từ đó cho đến nay hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đỗ Đăng Khoa, sinh ngày 31/12/2021, hiện con chung đang ở với mẹ. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung vì cháu Khoa còn nhỏ, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm công nhân may tại khu công nghiệp Đình Trám, Việt Yên, thu nhập trung bình một tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, thời gian làm việc từ 7 giờ 15 phút sáng đến 06 giờ tối, được nghỉ chủ nhật, chị có chỗ ăn ở, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh H làm công nhân có thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đối với anh Đỗ Văn H là bị đơn trong vụ án, tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Anh và chị Lê Thị H kết hôn ngày 20/10/2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh. Ban đầu vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Kết hôn được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng có thỉnh thoảng cãi vã nhau. Thỉnh thoảng vợ chồng cãi nhau vợ anh lại bỏ về nhà ngoại ở. Hiện tại hai vợ chồng không còn ở chung với nhau, hai vợ chồng ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Đăng Khoa, sinh ngày 31/12/2021, hiện con chung đang ở với chị H. Nếu ly hôn thì anh nhận nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện anh đang làm công nhân khu công nghiệp Quang Châu, thu nhập trung bình một tháng 10.000.000 đồng, thời gian làm việc từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối, 2 tuần làm ngày, 02 tuần làm đêm, được nghỉ chủ nhật, anh có chỗ ăn ở.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đỗ Văn H vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng quy định

của pháp luật, bị đơn anh H vắng mặt không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Đăng Khoa, sinh ngày 31/12/2021. Anh Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác; công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lê Thị H và anh Đỗ Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Văn H có nơi cư trú tại tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh H sau khi về chung sống với nhau ban đầu đã không hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hai vợ chồng có cãi vã nhau. Sau đó vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Tại biên bản lấy lời khai chị H xác tình tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn

với anh H. Tại biên bản lấy lời khai anh H cũng xác định vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H, thông báo hòa giải nhưng anh H không đến để Tòa án hòa giải tình cảm vợ chồng.

Mặt khác, theo xác minh tại địa phương xác định chị H, anh H có xảy ra mâu thuẫn, chị H và con H nay không còn sinh sống cùng anh H nữa. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Đăng Khoa, sinh ngày 31/12/2021. Ly hôn chị H nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm công nhân may tại khu công nghiệp Đình Trám, Việt Yên, thu nhập trung bình một tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, chị có thu nhập, đủ điều kiện về thời gian, chỗ ăn ở để nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy lời khai anh H trình bày: Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung, hiện anh đang làm công nhân khu công nghiệp Quang Châu, thu nhập trung bình một tháng 10.000.000 đồng, anh có thu nhập, đủ điều kiện thời gian, chỗ ăn ở nuôi dưỡng con chung. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy chị H và anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, cháu Khoa hiện còn nhỏ dưới 01 tuổi, từ nhỏ đến nay vẫn đang ở với chị H cần chăm sóc của người mẹ, chị H có thu nhập, có điều kiện thời gian, chỗ ở đảm bảo nuôi dưỡng con chung, anh H làm Công ty có thu nhập nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H và giao cháu Khoa cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Khoa và anh H có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng nên cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng con chung là Đỗ Đăng Khoa, sinh ngày 31/12/2021. Anh Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 2.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Án phí:

- Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006458 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Lê Thị H đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND thị trấn Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân